

Tiền Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2019
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Khoa học và Công nghệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2019 như

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	53,100	11,600	22	22
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí cấp chứng chỉ	0,600	0,600		
2	Phí				
	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	52,500	11,000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	44,625	2,000	4	1
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	44,625	2,000		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	8,475	2,250	27	24
1	Lệ phí				
	Lệ phí cấp chứng chỉ	0,600	0,600		
2	Phí				
	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ ATBX	7,875	1,650		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.483,524	1.490,635		
1	Chi quản lý hành chính	4.570,824	1.038,921		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.135,057	1.026,080	25	105,728
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	406,067	12,841	3	285,991
1,3	Kinh phí nguồn thu phạt thanh tra	29,700	0,000	0	0,000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	3.912,700	451,714	13	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	502,892	0,000	0	0,000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh	502,892	0,000	0	0,000
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1 năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.409,808	451,714	13	361

Ngày 11 tháng 4 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Dương Văn Bon

Tiền Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2019

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ
Quý 1 năm 2019

I/ Thu, chi phí, lệ phí và nguồn khác:

Thu phí an toàn bức xạ:	11.600.000đ
- Nộp ngân sách:	2.250.000đ
- Bổ sung nguồn kinh phí:	9.350.000đ
- Chi phí phục vụ cho công tác thu phí:	2.000.000đ
- Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang kỳ sau:	7.350.000đ

II/ Kinh phí được sử dụng:

II/ Kinh phí được sử dụng:	8.454.647.000đ
- Kinh phí khoán quản lý hành chính:	4.135.057.000đ
- Kinh phí không khoán quản lý hành chính:	377.190.000đ
- Kinh phí nguồn thu phạt thanh tra:	29.700.000đ
- Kinh phí SNKH:	3.912.700.000đ
+ Kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp:	502.892.000đ
+ Kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ QLNN về KH&CN:	3.409.808.000đ

III/ Tình hình sử dụng kinh phí:

1. Nguồn kinh phí hành chính: 1.038.920.804đ

1.1. Kinh phí khoán chi ngân sách: 1.026.079.804đ

+ Chi con người (Lương, PCL, PCCV, BHXH, BHYT...):	814.723.988đ
+ Chi công việc :	98.675.316đ
. Điện, nước, phí vệ sinh:	7.845.856đ
. Vật dụng văn phòng, văn phòng phẩm:	1.990.000đ
. Điện thoại, bưu chính, internet, sách, báo:	7.233.105đ
. Công tác phí:	12.220.000đ
. Chi phí thuê lao động, thuê xe:	29.619.355đ
. Chi phí họp, khác:	3.680.000đ
. Kiểm định xe, bảo hiểm xe:	5.707.000đ
. Sửa chữa:	2.380.000đ
. Đồng phục:	28.000.000đ
+ Tiếp khách:	4.087.000đ
+ Chi thưởng Lễ, Tết:	95.600.000đ

+ Chi phúc lợi (quà Tết, trực, hỗ trợ Đoàn TN, góp quỹ địa phương, viếng tang, thăm bệnh, du lịch, khám sức khỏe CC,...): 12.993.500đ

1.2. Kinh phí ngoài khoán (nguồn quản lý hành chính): 12.841.000đ

+ Sửa xe ô tô, trụ sở, khác: 10.720.000đ

+ Tiếp khách : 2.121.000đ

1.3. Kinh phí ngoài khoán (nguồn thu phạt thanh tra): 0đ

2. Kinh phí SNKH sử dụng: 451.714.401đ

2.1 Kinh phí cấp thực hiện đề án Liên kết vùng ĐTM: 252.610.833đ

2.2 Kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ QLNN về KH&CN: 199.103.568đ

+ Kinh phí quản lý nhiệm vụ KH&CN: 22.990.000đ

+ Thông tin, thống kê KH&CN: 70.769.200đ

+ Quản lý công nghệ, khởi nghiệp ĐMST: 62.470.000đ

+ Đào tạo, tập huấn: 0đ

+ Sở hữu trí tuệ: 3.730.000đ

+ Chi khác: 39.144.368đ

(Điện, nước, xăng, cước bưu chính, điện thoại, Internet, VPP, CTP...)

IV/ Tình hình kinh phí tồn chuyển qua kỳ sau: 6.964.011.795 đ

- Kinh phí khoán quản lý hành chính: 3.108.977.196đ

- Kinh phí không khoán quản lý hành chính: 364.349.000đ

- Kinh phí nguồn thu phạt thanh tra: 29.700.000đ

- Kinh phí SNKH: 3.460.985.599đ

+ Kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp: 502.892.000đ

+ Kinh phí cấp thực hiện nhiệm vụ QLNN về KH&CN: 2.958.093.599đ

Lập bảng



Nguyễn Thị Diệu Dung



Dương Văn Bon